TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK	**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh, bà Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoà Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trần Duy Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 280/2025/TLST - HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1994.

Trú tại: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông bà sau một thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E (nay là xã Ea K) vào ngày 21/7/2016.

Sau khi về chung sống với nhau theo bà P, vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ông Q không quan tâm đến gia đình, thường xuyên đánh đập bà P. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà P làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Q và có nguyện vọng là xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung là cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 07/4/2018. Hiện nay, cháu A đang sinh sống cùng với bà P. Nguyện vọng của bà P sau khi ly hôn là được nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hiện nay, bà P đang làm nghề giáo viên, dạy tại trường tiểu học Lý Tự T, xã T, lương thu nhập mỗi tháng là 13.000.000 đồng, nên bà P đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Văn Q không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Minh P được ly hôn với ông Bùi Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 07/4/2018 cho bà Nguyễn Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh P không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh P, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà P khởi kiện xin ly hôn với ông Q có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông Q không tham gia tố tụng cũng như không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hoà giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa lần thứ nhất ông Q vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho ông Q. Tại phiên tòa hôm nay, ông Q vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vụ án là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Q là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21/7/2016 của Ủy ban nhân dân xã E (nay là xã Ea K).

Quá trình tham gia tố tụng bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Ông Q không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm của mình.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Quá trình sinh sống tại địa phương ông Q và bà P có xảy ra mâu thuẫn. Bà P đã đi khỏi địa phương không còn chung sống với ông Q.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà P và ông Q đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà sống ly thân mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Q không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện và cho bà P được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà P và ông Q có 01 con chung là cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 07/4/2018. Hiện tại, cháu A đang ở với bà P và nguyện vọng của bà P là được nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay, bà P đang làm nghề giáo viên, dạy tại trường tiểu học Lý Tự T, xã T, lương thu nhập mỗi tháng là 13.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Q không có mặt để xác định nguyện vọng của ông về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, nguyện vọng của bà P là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81

Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 07/4/2018 cho bà P nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Bùi Văn Q được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Bùi Văn Q không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà P không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà P phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Minh P được ly hôn với ông Bùi Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 07/4/2018 cho bà Nguyễn Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Bùi Văn Q được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Bùi Văn Q không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Minh P không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh P không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004734 ngày 21/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 - Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND E;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Huyền Trang